



Thứ.....ngàytháng.....năm.....

Tuần 30

Phần 1. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Một toà nhà có 15 tầng cao khoảng:

- A. 15m B. 48m C. 45km D. 30hm

Câu 2. An đi bộ từ nhà đến trường mất khoảng 15 phút. Quãng đường từ nhà An đến trường dài khoảng:

- A. 1km B. 15km C. 50m D. 30km

Câu 3. Khoảng cách từ A đến B dài 1500m. Trên bản đồ khoảng cách AB thu nhỏ là 3cm. Tỉ lệ bản đồ là:

- A. 1 : 50 B. 1: 500 C. 1 : 5000 D. 1 : 50 000

Câu 4. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 100 000 khoảng cách giữa hai điểm C và D đo được là 10 mm. Khoảng cách thật giữa hai điểm C và D là:

- A. 1 000 000 cm B. 100 000 dm C. 10 000 m D. 1 km

Câu 5. Quãng đường từ tỉnh C đến tỉnh D dài 10 km. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 100 000 khoảng cách giữa hai tỉnh này là:

- A. 1 mm B. 10 mm C. 100 mm D. 1000 mm

Câu 6. Trên bản đồ tỉ 1 : 250 000, khoảng cách giữa tỉnh A và tỉnh B là 684 mm. Độ dài thật từ tỉnh A đến tỉnh B là:

- A. 171 mm B. 171 m C. 171km D. 1710 km

Câu 7. Quãng đường từ M đến N dài 50 km. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 250 000, quãng đường đó dài là:

- A. 6250mm B. 40cm C. 4cm D. 400mm

Câu 8. Một mảnh vườn hình chữ nhật được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 3000. Trên bản đồ, chiều dài của mảnh vườn là 3cm, chiều rộng là 2cm. Chu vi của mảnh vườn đó trên thực tế là:

- A. 10cm B. 30000m C. 100m D. 300m

Phần 2: Giải các bài toán sau:

Bài 1. Viết số thích hợp vào ô trống:

Tỉ lệ bản đồ	1 : 800	1 : 1000	1 : 10 000	1 : 2000
Độ dài thu nhỏ	5dm	 cm	 cm	25mm
Độ dài thật	 m	70m	400m	 m

Bài 2. Tính Con ghi kết quả là phân số tối giản:

$$\frac{4}{7} \times \frac{21}{16} : \frac{5}{8}$$

$$\frac{15}{8} - \frac{4}{9} \times \frac{6}{8} + \frac{1}{6}$$

$$\frac{7}{15} + \left(\frac{5}{6} - \frac{1}{3} \right)$$

Bài 3. Tìm X: Con chỉ ghi kết quả giá trị của X ở dạng phân số tối giản:

$$X + \frac{3}{4} \times \frac{7}{10} = \frac{53}{40}$$

$$\left(\frac{2}{5} + \frac{4}{7} \right) : X = \frac{17}{5}$$

X = _____

X = _____

Bài 4. Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 500m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 2 000, diện tích khu ~~đất~~ ^{đất} là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

Con tính ở vở và ghi kết quả vào ô trống:

Chiều dài của khu đất trên thực tế là: Đổi 500m = _____ cm

Chiều rộng của khu đất trên thực tế là: _____ m = _____ cm

Chiều dài của khu đất trên bản đồ là: _____ cm

Chiều rộng của khu đất trên bản đồ là: _____ cm

Diện tích của khu đất trên bản đồ là: _____ cm²

Đáp số: _____ cm²

Bài 5. Trên bản đồ tỉ lệ 1:500, chiều dài sân vận động Thống Nhất dài 45cm, chiều rộng 40cm. Tính chu vi, diện tích thật của sân vận động đó.